Phụ lục số 9

CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Trung Thuần)

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Đơn vị thực hiện
	Tổng cộng	**9,614**	
1	**Các chế độ, chính sách TW**	**9,234**	
1.1	**SN Giáo dục - Đào tạo**	**327**	
1.1.1	Chính sách hỗ trợ học sinh theo NĐ 81, 97	226	Các trường
1.1.2	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	34	Các trường
1.1.3	Học sinh khuyết tật	67	Các trường
1.1.4	Hỗ trợ HS DT Chứt (NĐ số 57/2017/NĐ-CP)	0	
1.1.5	Học bổng cho học sinh dân tộc bán trú, học sinh PTTH vùng ĐBKK (NĐ 116)	0	
1.1.6	Học bổng học sinh dân tộc nội trú	0	
1.1.7	Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS theo QĐ số 66	0	
1.1.8	Hỗ trợ chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo QĐ 53	0	
1.2	**SN Y tế**	**1,822**	Phòng VH - XH
	Bảo hiểm y tế các đối tượng	1,822	
1.3	**SN kinh tế**	**918**	Phòng KT
1.3.1	Phân bổ cấp bù thuỷ lợi phí	287	
1.3.2	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa NĐ35	631	
1.3.3	Kinh phí 48	0	
1.4	**SN đảm bảo xã hội**	**6,168**	Phòng VH-XH
1.4.1	KP TX cho đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ136	5,948	
1.4.2	Kinh phí thực hiện tiền điện hộ nghèo và các ĐTXH	109	
1.4.3	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	111	
2	**Chế độ, chính sách địa phương**	**380**	Khối Đảng
2.1	Huy hiệu đảng	220	
2.2	Khen thưởng huy hiệu Đảng	160	